

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HUNG YÊN
SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 27 tháng 05 năm 2002

Số. 18.../BC-DANTMN

BÁO CÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

-Tên dự án: Xây dựng mô hình chuyển giao công nghệ phát triển chăn nuôi gia cầm, trồng cây ăn quả vào hộ nông dân tại 2 xã Tân Dân và Phan Sào Nam tỉnh Hưng Yên.

-Thuộc chương trình: Xây dựng mô hình ứng dụng KH-CN phục vụ phát triển kinh tế-xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 1998-2002.

-Cơ quan quản lý dự án: Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

-Cơ quan chủ trì và thực hiện: Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Hưng Yên.

-Đơn vị phối hợp chính: Viện nghiên cứu rau quả, Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương.

-Địa điểm thực hiện: các hộ nông dân thuộc xã Tân Dân (Khoái Châu), xã Phan Sào Nam (Phù Cừ).

-Thời gian thực hiện 1998-2001.

I-MỞ ĐẦU

1-ĐẶT VẤN ĐỀ

Hưng Yên là tỉnh mới tái lập tháng 01 năm 1997 có điểm xuất phát kinh tế thấp, diện tích tự nhiên là 92.300 ha, trong đó : đất nông nghiệp là 64.177 ha. Dân số gần 1,1 triệu người : trong đó dân số nông thôn chiếm trên 90%, số lao động tham gia sản xuất nông nghiệp chiếm trên 80%.

Tỉnh Hưng Yên nằm ở trung tâm vùng đồng bằng sông Hồng . Đất đai màu mỡ, lực lượng lao động dồi dào, có truyền thống trồng trọt và chăn nuôi, kề cận với thủ đô Hà Nội, có mạng lưới giao thông đường sắt, đường bộ, đường thủy nối với thủ đô Hà Nội với Hải Phòng, Quảng Ninh là thị trường nông sản rộng lớn rất thuận lợi cho phát triển nền nông nghiệp hàng hoá, phát triển kinh tế dịch vụ, thu hút các dự án đầu tư phát triển công nghiệp nhất là công nghiệp chế biến nông sản.

Để khắc phục những khó khăn của tỉnh mới tái lập, phát huy thế mạnh, nhanh chóng đưa nền kinh tế của tỉnh thoát khỏi nguy cơ tụt hậu, sớm hoà nhập với sự phát triển của các tỉnh trong khu vực. Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo các Đảng bộ, chính quyền, đoàn thể các ngành tập trung triển khai thực hiện các chương trình kinh tế, kỹ thuật, tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, chính sách khuyến khích, động viên nhân dân tích cực áp dụng các thành tựu KHCN thông qua các chương trình mục tiêu, các dự án, đề tài... thực hiện chủ trương đi tắt đón đầu để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội.

Nhằm đưa nhanh các kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất và đời sống góp phần phần đầu đạt các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh đề ra, nhiệm vụ của KHCN là phối hợp với các cơ quan khoa học Trung ương, tranh thủ các nguồn vốn đầu tư, cơ sở vật chất kỹ thuật, cán bộ, lao động thực hiện các chương trình, dự án, đề tài tạo lập mô hình áp dụng KHCN phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội nông thôn đại diện cho 2 vùng kinh tế nông nghiệp: vùng đất thịt nặng, chua, trũng (các huyện ven sông Luộc phía nam tỉnh), vùng đất thịt nhẹ, cát pha (ven sông Hồng phía bắc tỉnh) là những mô hình điểm áp dụng KHCN đạt hiệu quả kinh tế cao để phổ biến cho nhân dân các khu vực áp dụng.

-Trồng trọt: Áp dụng các giống lúa mới có năng suất cao, chất lượng tốt, các giống rau màu, cây vụ đông, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp vùng trũng cấy lúa bắp bênh thành 2 vụ lúa chắc ăn, chăn nuôi thủy sản cao sản, trồng cây ăn quả nhãn lồng, vải thiều... đạt hiệu quả, thu nhập cao.

-Chăn nuôi: Tiếp tục thực hiện chương trình "Sinh hoá đàn bò", "Nạc hoá đàn lợn", ứng dụng nhanh kỹ thuật tiến bộ về chăn nuôi gia cầm: gà thả vườn, ngan Pháp, vịt siêu trứng, siêu thịt qui mô hộ gia đình bằng phương pháp công nghiệp, bán công nghiệp... tạo lập các trang trại trồng trọt - chăn nuôi.

Xuất phát từ những yêu cầu thực tiễn nêu trên, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường đã đề nghị và được Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường cho phép tỉnh Hưng Yên phối hợp với các cơ quan chuyển giao công nghệ Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương, Viện nghiên cứu rau quả (Bộ NN & PTNT) triển khai thực hiện dự án "*Xây dựng mô hình chuyển giao công nghệ phát triển chăn nuôi gia cầm, trồng cây ăn quả vào hộ nông dân tại 2 xã Tân Dân, Phan Sào Nam ở Hưng Yên*".

Sau thời gian thực hiện được 1 năm, Ban chủ nhiệm dự án đề nghị và được Ban chỉ đạo Chương trình đồng ý mở rộng qui mô nhân rộng mô hình tại xã Minh Tiến (Phù Cừ) từ tháng 7/2000. Như vậy dự án đã được triển khai và thực hiện tại 3 xã: Phan Sào Nam, Minh Tiến (Phù Cừ) và Tân Dân (Khoái Châu).

2-MỤC TIÊU DỰ ÁN.

a-Xây dựng tại 3 xã, mỗi xã 2 mô hình gồm: Chăn nuôi gia cầm và trồng cây ăn quả thông qua việc tiếp nhận công nghệ mới, đưa các giống tiến bộ kỹ thuật áp dụng vào sản xuất góp phần tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, phát triển cây ăn quả đặc sản và chăn nuôi gia cầm vào hộ nông dân phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của vùng.

b-Đào tạo nâng cao trình độ KHCN cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật và hộ nông dân nhằm tìm kiếm công nghệ thích hợp, tiếp nhận áp dụng tốt công nghệ được chuyển giao.

c-Chuyển đổi cơ cấu giữa cây trồng và vật nuôi hợp lý, đa dạng hoá trong nông nghiệp, phá thế độc canh thuần nông phát triển sản xuất hàng hoá tạo việc làm cho người nông dân, nâng cao thu nhập góp phần xoá đói giảm nghèo.

d-Mô hình đã được xây dựng sẽ làm cơ sở để nhân rộng trong tỉnh.

3-NỘI DUNG DỰ ÁN.

a-Mô hình chăn nuôi gia cầm:

-Chuyển giao công nghệ và qui trình chăn nuôi, thâm canh các giống gia cầm nhập nội có năng suất cao, chất lượng tốt để nuôi trong vườn (kết hợp vườn chuồng) phù hợp với điều kiện của đa số hộ nông dân và đáp ứng nhu cầu, thị hiếu người tiêu dùng. Trong đó đặc biệt quan tâm đến chuyển giao công nghệ để hộ nông dân có thể tự sản xuất giống đáp ứng nhu cầu chăn nuôi tại xã và vùng phụ cận. Hỗ trợ cung ứng con giống, thuốc thú y, hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi cho các mô hình điểm:

+Chăn nuôi gà Tam Hoàng sinh sản: 22 hộ với 750 mái, sản xuất 100 con giống/mái/năm.

+Ngan Pháp :16 hộ với 483 mái. sản xuất 30 con giống/mái/năm.

+ Vịt siêu trứng: 10 hộ với 617 mái. sản xuất 90 con giống/mái/năm.

+Trạm ấp trứng :5 máy ấp và 5 máy nở.

+Chế biến thức ăn phục vụ chăn nuôi: 4 trạm, 1 máy nghiền/trạm.

+Công tác phòng trị bệnh: đảm bảo các điều kiện cần thiết để giữ an toàn dịch bệnh cho đàn gia cầm.

+Vệ sinh môi trường: xây dựng và lắp đặt 10 hầm khí BIOGAS tại các hộ chăn nuôi qui mô lớn, để xử lý phân và chất thải lấy khí đốt phục vụ sinh hoạt.

b-Mô hình trồng cây ăn quả:

-Hướng dẫn nhân dân thực hiện qui trình thâm canh cây ăn quả; đưa giống nhân lồng đặc sản đã qua bình tuyển, nhân bằng công nghệ ghép để cải tạo vườn tạp và chuyển đổi diện tích đất trồng cây lúa năng suất thấp, sản xuất bắp bênh thành

vườn nhãn kết hợp chăn nuôi để nâng cao hiệu quả sử dụng đất và sản xuất quả đặc sản đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội.

-Đầu tư cải tạo 21 ha vườn tạp tại xã Tân Dân và 15 ha tại xã Phan Sào Nam để trồng 5.616 cây nhãn lồng, những năm đầu trồng xen canh đủ mật độ trồng nhãn 156 cây/ha (khoảng cách 8 x 8 mét), mật độ trồng đủ, đủ 1.371 cây/ha.

-Cải tạo 17 ha ruộng cấy 1 vụ lúa bắp bệnh tại xã Phan Sào nam thành 6,8 ha vườn trồng 1.006 cây nhãn và 10,2 ha ao kết hợp nuôi cá, vịt.

4-CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.

a-Giải pháp khoa học công nghệ:

-Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương :

+Tuyển chọn và cung cấp đàn giống gia cầm bố mẹ đảm bảo về thời gian, số lượng và chất lượng con giống.

+Lựa chọn chế độ dinh dưỡng, qui mô chăn nuôi phù hợp với từng hộ để phát huy tiềm năng con giống.

+Xây dựng trạm chế biến thức ăn gia súc, sử dụng thức ăn đậm đặc nhằm hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh tế.

+Áp dụng các tiến bộ kỹ thuật phòng trị bệnh cho đàn gia cầm , nâng cao tỷ lệ nuôi sống đàn gia cầm từ 50-60% trước khi thực hiện dự án lên 80-85% trong các hộ.

-Viện nghiên cứu rau quả và sở KH, CN & MT :

+Tổng kết các chương trình, dự án, đề tài được thực hiện trong những năm qua hoàn thiện qui trình thâm canh cây nhãn , cây vải và các cây trồng xen .

+Triển khai tập huấn, tuyên truyền phổ biến kiến thức KHCN, tổ chức tham quan học tập các điển hình cho cán bộ kỹ thuật và nhân dân tham gia dự án.

+ Xây dựng hầm khí BIOPGAS xử lý phân rác, chất thải chăn nuôi nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường và tạo khí đốt phục vụ sinh hoạt.

+Thường xuyên rút kinh nghiệm để điều chỉnh qui trình kỹ thuật phù hợp với thực tế trong quá trình triển khai thực hiện dự án đạt hiệu quả cao.

b-Giải pháp về tổ chức, quản lý, chỉ đạo thực hiện dự án.

-Căn cứ vào qui chế tổ chức, quản lý và chỉ đạo thực hiện “Chương trình xây dựng mô hình ứng dụng KHCN phục vụ phát triển kinh tế-xã hội nông thôn và miền núi” (Ban hành kèm theo Quyết định số 1075/QĐ-KH ngày 14/8/1997 của Bộ KH, CN & MT), sau khi dự án đã được phê duyệt Sở KH, CN & MT tỉnh Hưng Yên :

+Đưa dự án vào kế hoạch KH, CN & MT hàng năm của tỉnh

+Đề xuất cơ quan phối hợp chính thực hiện dự án là Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương và Viện nghiên cứu rau quả.

+Giám đốc Sở KH, CN & MT tổ chức lực lượng trong nội bộ Sở để quản lý, chỉ đạo thực hiện dự án tại địa phương. Định kỳ 3 tháng 1 lần Giám đốc Sở tổ chức

đoàn cán bộ liên ngành kiểm tra và tổng hợp tình hình báo cáo với Ban chỉ đạo Chương trình "*Xây dựng mô hình ứng dụng KH-CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi*" của Bộ KH, CN & MT về các nội dung tổ chức triển khai, tiến độ thực hiện, nội dung tình hình chi tiêu tài chính của dự án và kiến nghị cụ thể. Tổ chức kiểm tra đột xuất khi cần thiết.

-Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương và Viện nghiên cứu rau quả kết hợp với Sở KH, CN & MT, Sở NN & PTNT, chính quyền các xã tổ chức chuyển giao công nghệ tới các gia đình tham gia dự án, lựa chọn, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ cán bộ kỹ thuật viên và hộ nông dân, kết hợp với các câu lạc bộ khuyến nông, các tổ chức quần chúng khác của địa phương để hỗ trợ quản lý thực hiện dự án.

-Các xã thực hiện dự án : thành lập tổ kỹ thuật hoặc tổ công tác, thành phần gồm: đại diện của Đảng uỷ, UBND xã, HTX dịch vụ NN và các tổ chức đoàn thể nông dân, phụ nữ, thanh niên... phối hợp hướng dẫn triển khai áp dụng KTTB đến hộ nông dân. Thực hiện báo cáo định kỳ 1 tháng 1 lần và báo cáo đột xuất khi có vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện dự án về Giám đốc Sở KH, CN & MT.

* -Tổ chức đánh giá nghiệm thu, tổng kết dự án và thanh lý hợp đồng theo qui chế hiện hành.

II- KẾT QUẢ THỰC HIỆN CỦA DỰ ÁN.

1-CÔNG TÁC TỔ CHỨC VÀ LỰA CHỌN HỘ NÔNG DÂN THAM GIA MÔ HÌNH.

a-Công tác tổ chức:

Ngay sau khi dự án được Bộ KH, CN & MT phê duyệt và ký hợp đồng triển khai thực hiện, Chủ nhiệm dự án đã ra Quyết định thành lập Ban quản lý gồm các cán bộ Sở Khoa học, CN & MT, cán bộ Sở tài chính-Vật giá, cán bộ phụ trách KH-CN của 2 huyện Khoái Châu và Phù Cừ và xây dựng qui chế quản lý điều hành dự án. Tại các xã Tân Dân và Phan Sào Nam đã thành lập tổ kỹ thuật gồm các thành viên: Đảng uỷ, UBND xã, HTX dịch vụ nông nghiệp, hội nông dân xã, trong đó tổ kỹ thuật xã Tân Dân có 7 người và Phan sào Nam 6 người.

Trong quá trình chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự án, Ban chủ nhiệm dự án đề nghị Bộ điều chỉnh nội dung mở rộng ứng dụng mô hình để sử dụng kinh phí phù hợp với yêu cầu thực tiễn và hiệu quả. Tại công văn số 2131/BKH-CN-MT-KH ngày 15/7/2000 của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường về việc "*Cho phép điều chỉnh nội dung dự án từ việc chuyển kinh phí mua thiết bị máy ấp nở và máy nghiền thức ăn chăn nuôi để mở rộng số lượng gia cầm chăn nuôi thương phẩm, trồng cây ăn quả ra xã Minh Tiến (Phù Cừ)*", Ban chỉ đạo dự án tiếp tục hướng dẫn thành lập tổ kỹ thuật của xã Minh Tiến gồm 7 người.

Ban chủ nhiệm dự án cùng các thành viên tổ kỹ thuật ở cơ sở đã phối hợp chặt chẽ với cơ quan chuyển giao KHCN thực hiện các nhiệm vụ trong qui chế quản lý và điều hành được xây dựng trong quá trình triển khai thực hiện đạt kết quả của dự án.

b-Đánh giá hiện trạng và lựa chọn hộ nông dân tham gia dự án.

Theo kế hoạch, dự án được thực hiện 2 mô hình thuộc 2 vùng kinh tế:

*Xã Tân Dân-huyện Khoái Châu đại diện cho vùng cao và vùng kinh tế ven đô,

*Xã Phan Sào Nam và từ 7/2000 xã Minh Tiến huyện Phù Cừ đại diện cho vùng chiêm trũng, đất thịt nặng và chua, thuần nông ven sông Luộc.

b.1-Điều tra hiện trạng:

b.1.1-Xã Tân Dân:

- Là một xã có diện tích 985,48 ha, cốt đất trung bình +7, trong đó diện tích đất nông nghiệp là 719 ha, gồm: đất trồng lúa và cây vụ đông 508 ha, đất chuyên trồng màu và cây lâu năm 179 ha, diện tích mặt nước 36 ha.

Cố lượng mưa trung bình 1.500 - 1.700 mm, nhiệt độ trung bình 23,4°C, độ ẩm trung bình 80%.

- Dân số 11.834 người, có 1 trường cấp I, cấp II, Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trường trung cấp kinh tế kỹ thuật của tỉnh, Trung tâm giống gia súc, gia cầm Dân Tiến, trại giống lúa của TW đóng trên địa bàn xã. Xã có 64 cán bộ trung cấp và 2 cán bộ đại học NN hiện đang tham gia sản xuất. Ngoài ra xã có câu lạc bộ khuyến nông và đội khoa học kỹ thuật chuyên khảo nghiệm các giống cây trồng mới trước khi đưa vào sản xuất đại trà.

- **Về trồng trọt:** Diện tích trồng lúa hàng năm 612 ha, năng suất 11 tấn/ha/năm, 240 ha ngô, năng suất 4 tấn/ha/vụ, đậu tương 36 ha, năng suất 1,8 tấn/ha, lạc 54 ha, năng suất 2,7 tấn/ha, tinh dầu 108 ha, năng suất 138 kg/ha.

- **Về chăn nuôi:** Đàn bò 450 con, có 200 nái sinh sản, đàn trâu 75 con; đàn lợn 2.000 con lợn thịt, 700 lợn nái sinh sản. Đàn gia cầm: gà ri lai Đông Tảo, gà công nghiệp, gà Tam Hoàng 8.000-10.000 con/lứa xuất chuồng, bình quân 3-4 tháng/lứa, trọng lượng xuất chuồng 2,5 - 3 kg/con; Ngan pháp 1.000 con...giống gia cầm được nhập từ xã Đông Tảo, xí nghiệp gia cầm TW, Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương.

+Thức ăn chăn nuôi: chủ yếu tận dụng phụ phẩm từ thóc, gạo, ngô, đậu tương, khô lạc và mua từ các đại lý ở địa phương.

+Công tác thú y: đàn gia súc trâu, bò, lợn được thường xuyên tiêm phòng theo định kỳ do phòng chăn nuôi thú y huyện chỉ đạo, cán bộ thú y của các thôn, xã thực hiện. Đàn gia cầm được các hộ chăn nuôi tự tiêm phòng.

- **Về chế biến nông sản:** Xã có 13 máy xay sát kết hợp với nghiền ngô phục vụ nhu cầu chăn nuôi.

-Hệ thống đường giao thông : Xã, thôn cơ bản đã được bê tông hoá, các cơ sở hạ tầng khác: kênh mương đã được hiện đại hoá, 100% hộ gia đình được sử dụng điện.

-Tổng thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, ngành nghề và dịch vụ khác là 41.000 triệu đồng: trồng trọt 21.000 tr.đ ; chăn nuôi 11.000 tr.đ ; ngành nghề và dịch vụ 7.000 tr.đ ; cơ cấu nông nghiệp : trồng trọt - chăn nuôi 67,6%-32,4%. bình quân thu nhập 2.800.000, đ/người/năm. Xã còn 9% (243 hộ) nghèo, nguyên nhân là do thiếu vốn, thiếu kiến thức KHCN, thiếu lao động...

-Về thị trường: Là một xã cách thủ đô Hà Nội 30 km, có mạng lưới giao thông thuỷ, bộ thuận tiện, xã có chợ họp hàng ngày và có trên 30 thương nhân chuyên thu gom nông sản tiêu thụ cho thị trường Hà Nội, Hải Phòng và các tỉnh phía Bắc.

b.1.2-Xã Phan Sào Nam:

Là xã nằm ở phía bắc đường 39 B, cách thị xã Hưng Yên 18 km về phía Tây Nam, có tổng diện tích tự nhiên 593,5 ha; trong đó, diện tích đất nông nghiệp là 401,27 ha gồm: diện tích đất trồng 321,02 ha, đất cao và vằn và vằn là 80,25 ha, đất vườn là 38,41 ha, diện tích mặt nước 12,8 ha.

Có lượng mưa trung bình 1.800 - 1.900 mm, nhiệt độ trung bình 23,4°C, độ ẩm trung bình 80%.

-Dân số 5.832 người, có 1 trường cấp I, cấp II, Trung tâm giáo dục thường xuyên. Xã có 16 cán bộ kỹ thuật nông nghiệp.

-Về trồng trọt: Diện tích trồng thuần lúa 2 vụ 259 ha, năng suất 10 tấn/ha/năm; thực hiện các công thức luân canh: lúa chiêm xuân - lúa mùa - cây ngô đông 100 ha, năng suất ngô 2,7 tấn/ha/vụ, đậu tương, bí xanh 42 ha năng suất 25 - 31 tấn/ha, năng suất đậu tương 1,75 tấn/ha.

-Về chăn nuôi: Đàn bò 220 con, có 80 nái sinh sản; đàn trâu 30 con; đàn lợn 1.600 con lợn thịt, 600 lợn nái sinh sản. Đàn gia cầm: gà các loại (gà ri lai, gà công nghiệp) 12.000 con, vịt 20.000 con, giống gà được nhập từ xí nghiệp gia cầm TW, giống vịt chủ yếu là vịt cỏ, vịt lai trong đó có 2.000 vịt nuôi lấy trứng bình quân 210 - 240 quả/con/năm.

+Thức ăn chăn nuôi: chủ yếu tận dụng phụ phẩm từ thóc, gạo, ngô, đậu tương, khô lạc và mua từ các đại lý ở địa phương.

-Về chế biến nông sản: Xã có 8 máy xay sát kết hợp với nghiền ngô phục vụ nhu cầu chăn nuôi.

-Hệ thống đường giao thông: Xã, thôn cơ bản đã được bê tông hoá, nhựa hoá, gạch hoá; 100% hộ gia đình được sử dụng điện.

-Tổng thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, ngành nghề và dịch vụ khác là 13.920 triệu đồng; trồng trọt 8.000 tr.đ ; chăn nuôi 4.250 tr.đ ; ngành nghề và dịch vụ 1.670 tr.đ ; cơ cấu nông nghiệp: trồng trọt - chăn nuôi 65,3%-34,7% bình quân thu nhập 2.400.000, đ/người/năm. Xã còn 5% hộ nghèo nguyên nhân là do thiếu vốn đầu tư cho sản xuất, thiếu kiến thức KHCN, gia đình neo đơn...

-Về thị trường: Là một xã có mạng lưới giao thông thuỷ, bộ thuận tiện nối liền giao lưu kinh tế, văn hoá với các huyện và các tỉnh bạn, đặc biệt là thị xã Hưng Yên, thành phố Hải Dương, Hải Phòng, Thái Bình và các tỉnh phía Bắc.

b.1.3-Xã Minh Tiến:

Là xã nằm ở phía nam đường 39 B gần sông Luộc, cách thị xã Hưng Yên 22 km về phía Tây, có tổng diện tích tự nhiên 605 ha; trong đó, diện tích đất nông nghiệp là 354 ha gồm: diện tích đất trồng 301 ha có cốt đất từ + 0,6 đến +1,2 đất cao vùn và vùn là 53 ha, đất vườn là 40 ha, diện tích mặt nước 76 ha.

Có lượng mưa trung bình 1.800-1.900 mm, nhiệt độ trung bình 23,4°C, độ ẩm trung bình 80%.

-Dân số 5.494 người, có 1 trường cấp I, cấp II. Xã có 10 cán bộ kỹ thuật nông nghiệp.

-Về trồng trọt: Diện tích trồng thuần lúa 2 vụ 247,8 ha, năng suất 10 tấn/ha/năm; cây màu vụ đông 106 ha chủ yếu là cây khoai tây 16,2 tấn/ha, bí xanh năng suất 20 - 27 tấn/ha, đậu tương năng suất 1,7 tấn/ha.

-Về chăn nuôi: Đàn trâu và bò 324 con; đàn lợn thịt 3.400 con, 515 lợn nái sinh sản. Đàn gia cầm: 30.000 con chủ yếu là gà các loại (gà ri lai, gà công nghiệp), vịt cỏ, vịt lai.

+Thức ăn chăn nuôi: chủ yếu tận dụng phụ phẩm từ thóc, gạo, ngô, đậu tương, và mua từ các đại lý ở địa phương.

-Về chế biến nông sản: Xã có 7 máy xay sát kết hợp với nghiền ngô phục vụ nhu cầu chăn nuôi.

-Hệ thống đường giao thông : Xã, thôn cơ bản đã được nhựa hoá, cấp phối và gạch hoá; 100% hộ gia đình được sử dụng điện.

-Tổng thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, ngành nghề và dịch vụ khác là 13.920 triệu đồng: trồng trọt 8.000 tr.đ ; chăn nuôi 4.250 tr.đ ; ngành nghề và dịch vụ 1.670 tr.đ ; cơ cấu nông nghiệp: trồng trọt - chăn nuôi 65,3% - 34,7% bình quân thu nhập 2.400.000 đ/người/năm. Xã còn 5% hộ nghèo nguyên nhân là do thiếu vốn đầu tư cho sản xuất, thiếu kiến thức KHCN, gia đình neo đơn ...

-Về thị trường : Là một xã có mạng lưới giao thông thuỷ, bộ thuận tiện nối liền giao lưu kinh tế, văn hoá với các huyện và các tỉnh bạn, đặc biệt là thị xã Hưng Yên, thành phố Hải Dương, Thái Bình và các tỉnh phía Bắc.

b.2- Đánh giá hiện trạng.

Từ những số liệu cơ bản trên cho thấy:

-Xã Tân Dân :

Là một xã lớn về diện tích cũng như dân số gần với thủ đô Hà Nội, đất đai màu mỡ, cây trồng đa dạng và có trình độ thâm canh, tiếp nhận và ứng dụng nhanh

thành tựu KHCN vào trồng trọt, chăn nuôi theo cơ chế sản xuất hàng hoá, có điều kiện tiếp cận thị trường thuận lợi, đời sống xã hội của nhân dân khá.

+Trong trồng trọt: Có phong trào sản xuất các giống lúa chất lượng, chuyển dịch cơ cấu cây trồng mạnh, nhất là những cây ăn quả như nhãn lồng, cam đường canh, quýt, quất, táo, cây tinh dầu (hương nhu, bạc hà...).

+Trong chăn nuôi: Duy trì và phát triển đàn lợn nái ngoại, đàn lợn thịt, ứng dụng nhanh các KTTB về giống gia cầm mới như : gà Tam Hoàng, Lương Phượng, ngan Pháp ...

Tuy nhiên, diện tích vườn tạp còn nhiều, các chủ hộ còn thiếu kiến thức KHCN trong việc cải tạo vườn tạp, thâm canh, chăm sóc nhãn lồng. Về chăn nuôi gia cầm, các hộ chủ yếu tiếp thu kỹ thuật chăn nuôi bằng kinh nghiệm và học tập lẫn nhau, chưa có cơ quan hướng dẫn qui trình kỹ thuật chăn nuôi gia cầm một cách bài bản, nắm bắt được thông tin qua đài, báo hoặc bạn bè lựa chọn giống mà thị trường đang cần chăn nuôi ... do đó hiệu quả kinh tế chưa cao, thậm chí một số gia đình còn bị thiệt hại lớn.

-Xã Phan Sào Nam:

Là một xã thuần nông, chủ yếu thâm canh cây lúa và một số rau màu, cây vụ đông. Từ năm 1997, được sự quan tâm của Đảng và chính quyền các cấp, xã tiếp thu những giống lúa, rau màu mới và áp dụng các biện pháp kỹ thuật, năng suất lúa và rau màu được nâng cao, tạo điều kiện cho chăn nuôi phát triển, đời sống của nhân dân được cải thiện, từ xã khó khăn đã trở thành xã trung bình khá của tỉnh.

+Trong trồng trọt: Ngoài việc thâm canh lúa năng suất cao, xã đã quan tâm đến nhiệm vụ chuyển dịch cơ cấu cây trồng, chuyển đổi diện tích đất trồng sang trồng cây ăn quả, thâm canh thủy sản. Là xã có diện tích nhãn lồng lớn của huyện Phù Cừ. Những năm thuận lợi về thời tiết, thu nhập từ nhãn quả đã góp phần quan trọng phát triển kinh tế của địa phương.

+Trong chăn nuôi: Đàn gia súc phát triển khá; đàn gia cầm các giống gà, vịt được nhận từ xí nghiệp gia cầm Cầu Ghẽ (huyện Cẩm Giàng, Hải Dương), ngan Pháp chưa được nuôi, điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển mạnh đàn vịt lấy trứng.

Cũng như xã Tân Dân, diện tích vườn tạp còn nhiều, các chủ hộ còn thiếu kiến thức KHCN trong việc cải tạo vườn tạp, thâm canh, chăm sóc nhãn lồng, chuyển đổi diện tích đất trồng và đất hoang hoá để trồng cây ăn quả kết hợp chăn nuôi gia cầm, thủy sản... Về chăn nuôi gia cầm, các hộ chủ yếu tiếp thu kỹ thuật chăn nuôi tự phát do độ hiệu quả kinh tế chưa cao...

-Xã Minh Tiến:

Là một xã có diện tích đất canh tác thuộc loại đất thịt chua, trũng lũng, là xã thuần nông vùng sâu xa và thuộc diện xã khó khăn của tỉnh.

-*Trong trồng trọt:* Có diện tích trồng lúa 2 vụ , năng lực áp dụng các KTTB cây trồng mới rất hạn chế, năng suất bình quân thấp, diện tích vườn tạp chưa được cải tạo. Cây ăn quả chủ yếu là giống vài lai của địa phương với ưu điểm là chín sớm đáp ứng yêu cầu thị trường, ít bị mất mùa; diện tích nhãn không nhiều, hầu hết là quảng canh, hiệu quả kinh tế thấp.

-*Trong chăn nuôi:* Đàn bò, lợn nái và lợn thịt phát triển khá; đàn gia cầm chủ yếu là giống địa phương, thời gian gần đây một số hộ nuôi gà công nghiệp, các giống gà, vịt mới có năng suất, chất lượng cao nhưng chưa được hướng dẫn kỹ thuật nên hiệu quả thấp .

Đánh giá chung một số hạn chế về trồng trọt và chăn nuôi ở 3 xã:

-Tiếp thu các KTTB áp dụng sản xuất nông nghiệp chưa đồng bộ, có quan tâm đến giống mới nhưng chưa áp dụng các biện pháp khai thác và cải tạo đất; chuyển dịch cơ cấu theo nhu cầu của thị trường nhưng chưa quan tâm lựa chọn giống cây trồng phù hợp với điều kiện đất đai, thổ nhưỡng, khí hậu...do vậy chưa khai thác và phát huy tiềm năng, năng suất của chúng nhất là cây nhãn lồng; chưa gắn chặt mối quan hệ giữa sản xuất và chế biến, bảo quản, thị trường ...nên đã hạn chế hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp vùng tạo vùng sản xuất từ cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng đòi hỏi phải có vốn lớn và thời gian thu hồi từ 3-5 năm, nên nhân dân không đủ điều kiện để thực hiện.

-Các KTTB về con giống mới, kỹ thuật chăn nuôi, đặc biệt chăn nuôi gia cầm ở nông thôn trong thời gian qua chưa được quan tâm đúng mức. Chủ yếu là sử dụng giống địa phương, chăn nuôi quảng canh, biện pháp thú y phòng bệnh chưa tốt, tỷ lệ nuôi sống chỉ đạt 50 - 60%, nhiều gia đình tiếp thu các biện pháp kỹ thuật tự phát, không được tập huấn, hướng dẫn chuyên môn ...hiệu quả kinh tế chưa cao nên phong trào chăn nuôi trong nông thôn còn nhiều hạn chế.

Tổ chức quản lý chỉ đạo mạng lưới đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật ở các địa phương, nhất là trong lĩnh vực chăn nuôi và thâm canh cây nhãn chưa được quan tâm nhiều đã ảnh hưởng đến phong trào , chính vì vậy sự hình thành các trang trại chăn nuôi , qui mô lớn của nhân dân trên địa bàn chưa nhiều .

b.3- Lựa chọn hộ tham gia mô hình.

Căn cứ mục tiêu, nội dung dự án, kết quả đánh giá hiện trạng về trồng trọt và chăn nuôi của các địa phương tham gia dự án . Ban quản lý dự án cùng cán bộ các xã và 2 cơ quan chuyển giao công nghệ đã thống nhất một số yêu cầu cơ bản lựa chọn các hộ gia đình tham gia xây dựng mô hình về chăn nuôi gia cầm, cải tạo vườn tạp, thâm canh cây nhãn vài và trồng vườn nhãn mới, áp dụng KTTB hầm khí BIOGAS xử lý phân, rác thải bảo vệ môi trường như sau:

-Về chăn nuôi gia cầm : gà Tam Hoàng, Lương Phượng, ngan Pháp, vịt siêu trứng. Các hộ được lựa chọn tham gia dự án phải có đủ điều kiện cơ bản :

+Kinh nghiệm trong chăn nuôi gia cầm.

+Có mặt bằng để xây dựng chuồng trại hoặc chuồng trại có sẵn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật chăn nuôi.

+Có nhân lực, nhiệt tình, hăng hái tiếp nhận và thực hiện các qui trình kỹ thuật

+Có điều kiện về kinh tế (vốn)...

-Về trồng trọt thâm canh nhãn, vải và cải tạo vườn tạp:

+Có diện tích vườn hoặc số cây nhãn, vải từ 14-16 cây/hộ, có nhân lực, nhiệt tình tiếp nhận và thực hiện các biện pháp kỹ thuật khi được chuyển giao hướng dẫn.

+Các diện tích trồng mới nằm trong kế hoạch chuyển đổi của các địa phương đã được xác định trong quá trình chọn địa bàn xây dựng dự án.

-Về hầm khí sinh học :

+ Chọn 15 hộ xây dựng 15 hầm khí BIOGAS xử lý phân rác từ chăn nuôi là các hộ thực hiện nội dung chăn nuôi gia cầm trong dự án đồng thời chăn nuôi ổn định và thường xuyên có ít nhất 3 đầu lợn hoặc trâu , bò . Có vị trí mặt bằng xây dựng 10m² trở lên và không sát ao, hồ, có vốn đối ứng với dự án khoảng 1.000.000đ/ hầm.

Kết quả đã chọn được 270 hộ tham gia mô hình chăn nuôi gia cầm (gà, ngan, vịt); 50 hộ gia đình tham gia mô hình cải tạo vườn tạp và thâm canh nhãn, 2 xã Phan Sào Nam và Minh Tiến có diện tích chuyển dịch cơ cấu cây trồng nhãn mới; 15 hộ áp dụng KTTB hầm khí BIOGAS xử lý phân rác thải (Chi tiết được thể hiện trong báo cáo của từng mô hình).

2-THỰC HIỆN CÔNG TÁC CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

a-Tham quan học tập:

- Trước khi tập huấn chuyển giao công nghệ, Ban quản lý dự án tổ chức cho cán bộ địa phương các xã và các nông hộ tham gia dự án tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm tại:

-Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương để các hộ tự lựa chọn chủng loại, số lượng và qui mô chăn nuôi gia cầm.

-Các vườn nhãn tiêu biểu tại thị xã Hưng Yên và huyện Tiên Lữ để lựa chọn giống cây cải tạo vườn tạp, các trang thiết bị phục vụ thâm canh nhãn ...

b-Tập huấn chuyển giao công nghệ chăn nuôi gia cầm; thâm canh, trồng nhãn mới và cải tạo vườn tạp:

BI-Chuyển giao công nghệ chăn nuôi gia cầm:

Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương đã phối hợp với Ban quản lý dự án , lãnh đạo các xã tổ chức lớp tập huấn do các chuyên gia của Trung tâm với các

chuyên đề : Kỹ thuật chăn nuôi gà , ngan, kỹ thuật phòng , trị bệnh cho gia cầm, kỹ thuật sử dụng máy ấp, nở. Thời gian đợt tập huấn 2 ngày/1 xã : Tân Dân (24- cho 230 đại biểu hộ nông dân tham gia. Riêng xã Tân Dân sử dụng hệ thống truyền thanh trực tiếp nội dung tập huấn cho các hộ nông dân trong xã cùng nghe.

b.2-Chuyển giao công nghệ thâm canh, trồng vườn nhãn mới, cải tạo vườn tạp:

Viện nghiên cứu rau quả đã tổ chức tập huấn cho xã Phan Sào Nam 4 lớp với 4 thời kỳ (giai đoạn) trong năm về kỹ thuật thâm canh, trồng nhãn mới , cải tạo vườn tạp: kỹ thuật trồng xen cây đu đủ ... số người trực tiếp tham gia là 150 . Tập huấn cho xã Tân Dân được 2 lớp số người tham gia 90 ; Minh Tiến 2 lớp cho 102 người .
Các đại biểu dự tập huấn được cấp qui trình kỹ thuật chăn nuôi và trồng trọt.

c-Chuẩn bị chuồng trại, vườn, cây và các khu vực chuyển đổi trồng vườn nhãn mới:

Sau khi được tập huấn kỹ thuật, các hộ nông dân được chọn tham gia xây dựng mô hình chăn nuôi, mô hình cải tạo vườn tạp, chuyển đổi trồng nhãn mới, Ban quản lý dự án và các cơ quan chuyển giao công nghệ tiến hành kiểm tra công việc chuẩn bị chuồng trại, vườn và các khu vực chuyển đổi cơ cấu cây trồng...tiếp tục hướng dẫn các chủ hộ bổ sung các điều kiện cơ sở vật chất đảm bảo yêu cầu kỹ thuật trước khi nhận giống cây, con, qui trình kỹ thuật,... xây dựng mô hình.

d-Cung cấp giống cây, giống con, qui trình và hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi, thâm canh nhãn, cải tạo vườn tạp, trồng vườn nhãn mới cho các hộ tham gia mô hình:

-Về gia cầm: Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương đã cung cấp giống con 1 ngày tuổi đảm bảo chất lượng cho các hộ của 3 xã:

TT	Tên xã	Số hộ nuôi gà	Số hộ nuôi ngan	Số hộ nuôi vịt
1	Tân Dân	43	63	11
2	Phan Sào Nam	136	72	15
3	Minh Tiến	86	69	
	Tổng cộng	265	204	26

Tổng số gia cầm:

+Gà Tarn Hoàng, Lương Phượng: 21.141 con, trong đó có 2.645 gà bố mẹ
+Ngan Pháp : 14.500 con, trong đó có 2.025 ngan bố mẹ.
+Vịt siêu trứng: : 2.594 con.

Kết quả thực hiện so với kế hoạch

Giống gia cầm	Số hộ tham gia			Số gia cầm		
	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ %	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ %
Gà	22	265	1024,5	3.360	21.141	629,2
Ngan pháp	16	204	1275	2.160	14.500	671,3
Vịt siêu trứng	10	26	260	2.680	2.594	96,7

Các hộ gia đình nhận đủ giống, loại con đã đăng ký với chất lượng và phẩm cấp tốt. Phối hợp chặt chẽ với cơ quan chuyển giao công nghệ thực hiện các biện pháp kỹ thuật: chế độ thức ăn cho từng độ ngày tuổi, tiêm phòng và các công tác phòng trị bệnh cho đàn gia cầm ...

-Về giống cây:

- +Nhận ghép do Sở Khoa học, CN & MT trực tiếp sản xuất: 8.500 cây
- +Giống đu đủ Thái Lan do Viện nghiên cứu rau quả ương : 11.850 cây.
- +Cấp phát các qui trình kỹ thuật: thâm canh nhãn lồng, phương án cải tạo vườn tạp, trồng và chăm sóc vườn nhãn mới, kỹ thuật chăm sóc đu đủ ...

Các loại cây đã được trồng, chăm sóc đảm bảo đúng qui trình kỹ thuật hướng dẫn của cơ quan chuyển giao công nghệ.

đ-Kết quả đạt được (tóm tắt):

-Về gia cầm:

- +Tỷ lệ nuôi sống đến khi xuất chuồng:

	Tên gia cầm	Tân Dân	Phan Sào Nam	Minh Tiến
1	Gà	91,5%	90,54%	89%
2	Ngan Pháp	95,3%	91,25%	90,5%
3	Vịt siêu trứng	92%	92%	

+Khối lượng sản phẩm tạo ra:

- *Gà thương phẩm : 20.445 con với tổng khối lượng 38.518,6 kg;
- *Ngan thương phẩm : 14.160 con với tổng khối lượng 39.077 kg,
- *Vịt thịt : 1.798 con với khối lượng 2.906,7 kg.

+Đàn gia cầm sinh sản:

*Gà mái : 366 con, số trứng giống: 54.198 quả,

*Ngan Pháp : 282 con, số trứng giống: 45.996 quả.

*Vịt siêu trứng : 796 con, số trứng thương phẩm: 173.522 quả.

-Về trồng trọt:

+Thâm canh nhân lồng:

+Cải tạo vườn tạp: tại 30 hộ của 3 xã.

+Trồng vườn nhân mới (chuyển dịch cơ cấu cây trồng vùng trũng, đất hoang hoá để trồng nhân): với tổng số cây là 8.500 cây, trong đó Phan Sào Nam: 3.500 cây, Minh Tiến: 5.000 cây.

+Trồng xen cây du đủ chuyển giao công nghệ và cung cấp giống cho nhân dân 2 xã Phan Sào Nam và Minh Tiến với tổng số 11.850 cây, tỷ lệ sống có thu hoạch là trên 90%, năng suất bình quân đạt 40-50 kg /cây.

(Có báo cáo riêng về mô hình chuyển giao công nghệ chăn nuôi và trồng trọt vào hộ nông dân tại 3 xã).

-Về ứng dụng KTTB xây dựng hầm khí BIOGAS xử lý phân rác:

Đây là nội dung do Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường trực tiếp chủ trì chuyển giao công nghệ.

Căn cứ vào danh sách đăng ký của các hộ gia đình tham gia mô hình chăn nuôi gia cầm. Ban quản lý dự án đã kiểm tra trực tiếp các hộ, đồng thời xây dựng phương án thực hiện cụ thể cho từng hộ.

+Đã xây dựng 15 hầm khí BIOGAS nắp cố định dạng vòm từ 3 -5 m³ đảm bảo kỹ thuật (Xã Tân Dân 5 hầm, Phan Sào Nam 2 hầm và Minh Tiến 8 hầm), xây dựng và hướng dẫn qui trình vận hành sử dụng , bảo dưỡng hầm cho từng hộ. Qua kiểm tra cuối tháng 2/2002, các hầm BIOGAS đang hoạt động có hiệu quả và được nhân dân các xã tiếp tục nhân rộng.

+Đã đào tạo chuyển giao công nghệ hầm BIOGAS cho 3 cán bộ kỹ thuật của tỉnh, hướng dẫn kỹ thuật cho 4 tập thợ (10 thợ) của 3 xã về công nghệ xây hầm BIOGAS nắp cố định dạng vòm mở rộng qui mô ứng dụng theo nhu cầu của nhân dân.

III-HIỆU QUẢ KINH TẾ-XÃ HỘI CỦA DỰ ÁN.

1-HIỆU QUẢ KINH TẾ.

a-Mô hình chăn nuôi gia cầm qui mô hộ gia đình:

-Về gà:

+Tổng thu: Khối lượng gà các loại đã xuất chuồng là: 38,518,6 kg, trọng lượng xuất chuồng bình quân 2,05 kg/con, tổng số tiền thu thực tế là : 565,115 triệu đồng.

+Tổng chi phí : tiền giống, thức ăn, thuốc bảo vệ thú y, khấu hao nhà xưởng.....là 485,015, triệu đồng.

+Lãi: 80,100 triệu đồng, bình quân lãi 4.270đ/con gà.

-Về ngan Pháp:

+Tổng thu: Khối lượng ngan đã xuất chuồng là: 39.077kg, trọng lượng xuất chuồng bình quân 3kg/con, tổng tiền thu thực tế là: 624,211 triệu đồng.

+Tổng chi phí : tiền giống, thức ăn, thuốc bảo vệ thú y, khấu hao nhà xưởng.....là 519,356 triệu đồng.

+Lãi: 105,855 triệu đồng, bình quân 8.120.đ/con ngan.

- Nếu mỗi lao động nuôi theo định mức 200 con gà hoặc 150 con ngan trong thời gian trung bình 2,5 tháng thì thu nhập khoảng 500.000đ/tháng.

-Về vịt siêu trứng:

+Tổng thu: khối lượng vịt 2.906,7 kg; trọng lượng xuất chuồng 1,75 kg tổng số tiền thu thực tế là 41,565 triệu đồng.

+Tổng chi phí : tiền giống, thức ăn, thuốc bảo vệ thú y, khấu hao nhà xưởng.....là 38,221 triệu đồng.

+Lãi: 3,344 triệu đồng, bình quân 1.860 đ/con vịt .

-Đàn gia cầm giống: đã sản xuất được 54.198 quả trứng gà giống, 45.996 quả trứng ngan giống đã sản xuất con giống đảm bảo chất lượng, giá thành hạ đáp ứng nhu cầu chăn nuôi tại địa phương và khu vực xung quanh .

b-Về mô hình trồng cây ăn quả, cải tạo vườn tạp:

-Về thâm canh khai thác nhãn quả:

Do điều kiện thời tiết bất thuận, vụ nhãn năm 2001 mất mùa trong phạm vi toàn khu vực miền bắc, vì vậy trong báo cáo này so sánh số liệu tương đối của vụ nhãn giai đoạn 1997-1999 thu hoạch trung bình (trước khi xây dựng mô hình) và năm 2000 sau khi xây dựng mô hình được 1 năm:

+Tại Phan Sào Nam: Vụ nhãn năm 2000 sản lượng toàn xã 18 tấn, giai đoạn 1997-1999 trung bình 10,3 tấn/năm.

+Tại xã Tân Dân: vụ nhãn năm 2000 sản lượng toàn xã là 6,0 tấn, giai đoạn 1997-1999 trung bình là 5,8 tấn.

Trồng mới được 8.500 cây, cải tạo vườn tạp cho 30 hộ.

c-Ứng dụng hầm khí BIOGAS :

Xử lý phân , rác thải tận dụng khí đốt phục vụ sinh hoạt nấu ăn hàng ngày tính bình quân cho loại hầm 3 m³ một hộ gia đình từ 4-5 người (tương đương 1,5-2

m³ khí/ngày), tiết kiệm thời gian và đảm bảo vệ sinh môi trường nông thôn . Nếu tính lượng rơm rạ sử dụng cho sinh hoạt nấu ăn 1,5 kg/người/ngày thì tiết kiệm được 6 - 7,5 kg rơm rạ/ngày/hộ x 250 đ/kg = 1.500đ -1.750đ/ngày/hộ. Rơm, rạ có thể sử dụng làm nguyên liệu trồng nấm (nấm rơm, nấm sò, nấm mỡ) giải quyết tiếp việc làm cho người lao động trong lúc nông nhàn...

Phân thải qua xử lý BIOGAS chất lượng được nâng lên, sạch bệnh phục vụ trồng trọt và chăn nuôi (cá, giun)...

2-HIỆU QUẢ XÃ HỘI.

-Các hộ gia đình tham gia mô hình và nhân dân địa phương đã nắm vững và làm chủ được công nghệ chăn nuôi , sản xuất giống gia cầm gà, ngan, vịt thâm canh cây nhãn lồng, trồng xen đu đủ, cải tạo vườn tạp đảm bảo hiệu quả kinh tế vườn, chuồng cao.

-Góp phần tích cực vào việc giải quyết việc làm cho người dân mở thêm ngành nghề chăn nuôi gia cầm, thâm canh nhãn, chế biến, trồng nấm ... có thu nhập nâng cao đời sống xã hội ở nông thôn.

-Tạo thêm khối lượng thực phẩm, nông sản hàng hoá phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu cho địa phương ...

-Đào tạo được đội ngũ cán bộ kỹ thuật có khả năng chuyển giao công nghệ chăn nuôi, thâm canh nhãn... và nâng cao năng lực quản lý chuyên môn ở cơ sở.

-Từ kết quả các mô hình trên đang làm cơ sở khoa học để nhân rộng cho các địa phương khác áp dụng: chăn nuôi, thâm canh nhãn, chế biến sản phẩm là một nghề thực thụ, góp phần thiết thực vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn.

IV-KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1-KẾT LUẬN.

Tỉnh Hưng Yên được tái lập tháng 1 năm 1997 , sau đó trong các năm 1998 - 1999 các huyện trong tỉnh được chia tách. Tuy gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, về tổ chức và lực lượng cán bộ KHKT song được sự quan tâm giúp đỡ Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường , của Ban chỉ đạo chương trình , của UBND tỉnh , sự phối hợp chặt chẽ của sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn , các cơ quan chuyển giao công nghệ TW là Viện nghiên cứu rau quả và Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương , UBND các huyện Khoái Châu, Phù Cừ , cán bộ nhân dân các xã Tân Dân (Khoái Châu) , Phan Sào Nam, Minh Tiến (Phù Cừ), sau hơn hai năm tổ chức triển khai thực hiện dự án “ *Xây dựng mô hình chuyển giao công nghệ phát triển*

chăn nuôi gia cầm, trồng cây ăn quả vào hộ nông dân tại 2 xã Tân Dân, Phan Sào Nam ở Hưng Yên " đã đạt được kết quả tốt đẹp.

a-Kết quả:

-Dự án đã đạt được các mục tiêu cơ bản đề ra:

+Xây dựng tại 3 xã, mỗi xã 2 mô hình: chuyển giao công nghệ chăn nuôi gia cầm và trồng cây ăn quả, thông qua việc chuyển giao công nghệ mới, áp dụng những giống gia cầm mới và cây đặc sản nhãn lồng vào sản xuất góp phần tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, phát triển chăn nuôi gia cầm và nhãn lồng vào hộ nông dân phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng vùng.

+Đào tạo nâng cao trình độ KHCN cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật của tỉnh, huyện, và địa phương, tập huấn, tuyên truyền, phổ biến kiến thức KHCN về chăn nuôi gia cầm, trồng cây ăn quả cho hàng trăm hộ nông dân áp dụng có hiệu quả.

+Góp phần chuyển đổi cơ cấu giữa cây trồng và vật nuôi hợp lý, đa dạng hoá trong nông nghiệp, phá thế độc canh thuần nông sản xuất hàng hoá tạo việc làm cho người nông dân, nâng cao thu nhập về GDP và xoá đói giảm nghèo cho người nông dân.

+Mô hình đã được xây dựng đang làm cơ sở để nhân rộng ra các địa phương trong tỉnh...

-Đã tập trung thực hiện đầy đủ các nội dung của mô hình và đạt được những kết quả chủ yếu:

+Tổ chức các lớp tập huấn chuyển giao công nghệ cho hàng trăm hộ nông dân tham gia mô hình và những hộ có nhu cầu tìm hiểu: về kỹ thuật chăn nuôi giống gia cầm mới nhập (Gà Tam Hoàng, Lương Phượng, ngan Pháp, vịt siêu trứng) có năng suất và chất lượng thịt cao phù hợp với yêu cầu thị trường, các KTTB về trồng, thâm canh nhãn lồng, cải tạo vườn tạp và cây du đủ trồng xen.

+Đã trực tiếp hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật, kiểm tra, theo dõi giám sát tại các hộ nông dân tham gia xây dựng mô hình, tạo cho họ tiếp thu và chủ động KHCN về kỹ thuật chăn nuôi (về sử dụng thức ăn, vệ sinh chuồng trại, bảo vệ thú y phòng chống dịch bệnh...), kỹ thuật thâm canh chăm sóc nhãn lồng, trồng vườn nhãn mới, cải tạo vườn tạp, bảo vệ thực vật ...bước đầu đã thu được những kết quả về kinh tế, xã hội, tạo niềm tin và phấn khởi trong phong trào chăn nuôi gia cầm, trồng cây ăn quả trong nông thôn.

+Năm vững kỹ thuật chủ động sản xuất được con giống, cây giống chất lượng phục vụ cho nhu cầu chăn nuôi gia cầm và trồng cây ăn quả tại địa phương.

+Đã chuyển giao công nghệ xây dựng hầm khí BIOGAS xử lý phân, rác thải từ chăn nuôi, trong khuôn khổ kế hoạch của dự án tuy số lượng ít (15 hầm) ở các xã tham gia mô hình, nhưng đã đào tạo được các đội thợ chuyên xây hầm khí đảm bảo kỹ thuật, phục vụ phong trào xây dựng hầm khí cho các địa phương như : Khoái Châu, Văn Giang đáp ứng yêu cầu của nhân dân.

+Thông qua việc chỉ đạo xây dựng mô hình trong chăn nuôi gia cầm, trồng cây ăn quả của dự án, trình độ quản lý, chuyên môn ở cơ sở đối với cán bộ tỉnh, huyện, xã đã được nâng lên rõ rệt ...

+Đã kịp thời điều chỉnh nội dung và kinh phí về máy chế biến thức ăn, máy ấp nở khi nhu cầu địa phương tự lo được để tập trung vào chăn nuôi gia cầm ngay đợt đầu có hiệu quả kinh tế cao, kiến nghị với Ban chỉ đạo Chương trình cho phép mở rộng qui mô áp dụng của mô hình ra xã Minh Tiến (huyện Phù Cừ) và thực sự có hiệu quả tốt ...

B-Hạn chế:

Trong quá trình triển khai thực hiện, dự án còn bộc lộ một số hạn chế:

- Tổ chức triển khai thực hiện còn chậm so với tiến độ của dự án, do đó ảnh hưởng đến thị hiếu về chủng loại gia cầm mà thị trường đòi hỏi như : năm 1999, gà Tam Hoàng rất được ưa chuộng trên thị trường Hà Nội và các tỉnh trong khu vực, năm 2000 cho đến nay thị trường lại đòi hỏi gà thả vườn (mà chủ yếu là gà ri lai)...Trong khi đó, địa bàn chọn xây dựng mô hình ở xã Tân Dân - một xã có truyền thống chăn nuôi nói chung vào loại khá của tỉnh, nông dân rất năng động về chủng loại sản phẩm với thị trường, cho nên số hộ tham gia mô hình chăn nuôi gà, vịt siêu trứng chưa đạt kế hoạch đề ra nhưng về tổng thể, số lượng gia cầm các loại đã thực hiện gấp trên 6 lần so với kế hoạch của dự án.

- Mặt khác, trong quá trình điều tra, khảo sát xây dựng dự án, nhu cầu chế biến thức ăn chăn nuôi và máy ấp nở cho sản xuất con giống so với thực tại thời điểm thực hiện dự án cũng thay đổi do dịch vụ thức ăn chăn nuôi tương đối khá, nhiều máy ấp nở của tư nhân tự đầu tư. Trong quá trình chỉ đạo Ban quản lý dự án đã chủ động báo cáo và kiến nghị với Ban chỉ đạo Chương trình cho phép điều chỉnh nội dung, kinh phí phù hợp với tình hình thực tế, mở rộng mô hình để đảm bảo sử dụng nguồn vốn hiệu quả.

-Phối hợp chỉ đạo, quản lý dự án của địa phương xã còn gặp rất nhiều khó khăn trong việc chọn hộ tham gia xây dựng mô hình: đảm bảo qui chế dân chủ, nhiều hộ muốn được tham gia để được hỗ trợ về kỹ thuật và một phần kinh phí, trong khi đối tượng và số lượng hộ được chọn thì hạn chế ...

2-KIẾN NGHỊ.

Dự án "Xây dựng mô hình chuyển giao công nghệ phát triển chăn nuôi gia cầm, trồng cây ăn quả vào hộ nông dân tại 2 xã Tân Dân, Phan Sào Nam ở Hưng Yên" là một dự án gồm 2 nội dung: chăn nuôi gia cầm và trồng cây ăn quả, do đó để đánh giá được một cách tổng thể kết quả của dự án, đề nghị Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Ban Chỉ đạo Chương trình "Xây dựng các mô hình ứng dụng KHCN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi":

-Cần cho thêm thời gian để đánh giá kết quả mô hình về trồng cây ăn quả, cải tạo vườn tạp một cách hoàn thiện nhằm phổ biến, tuyên truyền cho nhân dân áp dụng có hiệu quả.

-Tạo điều kiện cho các địa phương tiếp tục mở rộng và đẩy mạnh ứng dụng KHCN về kỹ thuật, giống gia cầm mới phát triển chăn nuôi góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế, đẩy nhanh quá trình xoá đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống của nhân dân.

Ban chủ nhiệm dự án trân trọng cảm ơn sự quan tâm giúp đỡ của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, các Vụ chức năng của Bộ, Ban chỉ đạo chương trình Nông thôn miền núi, UBND tỉnh, sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện nghiên cứu rau quả, Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương, UBND các huyện Phù Cừ, Khoái Châu, Đảng uỷ, UBND, các đoàn thể và nhân dân xã Phan Sào Nam, Minh Tiến, Tân Dân đã có sự phối kết hợp tích cực góp phần thực hiện thành công dự án.

CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN



NGUYỄN XUÂN ĐÌNH

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

Tiến sĩ : Ngô Hùng Mạnh